

BẢNG KHỐI LƯỢNG VẬT TƯ THU HỒI

Tên hàng mục	Thép tròn trong hệ thống	Nhóm	Cửa, khung sắt, thép	Tôn	Thép hình	Gỗ	Lưới thép B40
Nhà làm việc (tiếp nhận từ Trường TH Y tế cũ)	22.260,10	138,10	843,96	707,40		6,77	
Khu hành chính (tiếp nhận từ TT Y tế dự phòng)	11.021,60	147,52		1.370,80	1.098,00		
Phòng tiêm ngừa (tiếp nhận từ TT Y tế dự phòng)	1.842,50		25,59	380,84	888,00	0,03	
Nhà bộ môn (tiếp nhận từ Trường TH Y tế cũ)	1.944,90	277,78	13,35	383,36		0,32	
Nhà kho (tiếp nhận từ Hội chữ thập đỏ)	913,20	0,86	60,78	715,00	1.024,00	0,04	
Nhà làm việc 2 (tiếp nhận từ Hội chữ thập đỏ)	2.888,10	59,52	59,70				
Nhà kho (tiếp nhận từ Trường TH Y tế cũ)	760,20	4,13	14,82	189,39	604,19	0,37	
Nhà thực tập được (tiếp nhận từ Trường TH Y tế cũ)	888,40	4,13	19,61	70,93	651,37	0,40	
Hội trường (tiếp nhận từ Trường TH Y tế cũ)	3.079,60	23,16	7,27	2.493,26	7.413,00		
Nhà làm việc 1 (tiếp nhận Hội chữ thập đỏ)	4.850,60	30,05	27,84	72,82	128,74		
Nhà vệ sinh (tiếp nhận từ trường TH Y tế cũ)	23,25	4,32	135,80	189,67			
Công + hàng rào xây tường gạch + khung thép (DxRxC = 198,4x0,2x2,4 mét) (Theo kiểm kê tài sản của đơn vị)	4.132,58		493,47		259,00		129,00
Tổng khối lượng	54.605,03	689,57	1.702,19	6.573,47	12.066,30	7,93	129,00

ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ

CÔNG TY TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG QUỐC TẾ (CIIC)



STT	Danh mục công tác	Đơn vị	Khối lượng		Hiện trạng
			một bộ phận	toàn bộ	
A	NHÀ LÀM VIỆC (TIẾP NHẬN TỪ TRƯỜNG TH Y TẾ CŨ)				
1	Thép tròn trong bê tông (tạm tính thu được 100kg thép/m ³ bê tông)	Kg		22.260,10	Rỉ sét, hư hỏng sau khi tháo dỡ
	- Cầu thang:	Kg	408,2		
	Bản thang (trệt-> lầu): 8,14x1,5x0,12x100kg/m ³	Kg	146,5		
	Chiều nghi (trệt -> lầu): 1,5x1,6x0,12x2 kc x100kg/m ³	Kg	57,6		
	Bản thang (lầu -> sân thượng): 8,14x1,5x0,12x100kg/m ³	Kg	146,5		
	Chiều nghi (lầu -> sân thượng): 1,5x1,6x0,12x2 kc x 100kg/m ³	Kg	57,6		
	- Sê nô mái: 90,8x0,1x1,1x100kg/m ³	Kg	998,8		
	- Lam bê tông:	Kg	6		
	Lam bê tông trệt: 2x0,1x0,1x100kg/m ³	Kg	2		
	Lam bê tông lầu: 2x0,1x0,1x100kg/m ³	Kg	2		
	Lam bê tông sân thượng: 2x0,1x0,1x100kg/m ³	Kg	2		
	- Dầm:	Kg	4.398,80		
	Dầm mái: (8,2x0,2x0,2+ 4,6x0,2x0,2x2 kc + 86x0,2x0,2)x100kg/m ³	Kg	413,6		
	Dầm sân thượng: (28,8x0,2x0,2x4 kc + 14,2x0,2x0,2x8 kc + 81,1x0,2x0,2)x100kg/m ³	Kg	1.239,60		
	Dầm tầng lầu: (28,8x0,2x0,2x4 kc + 14,2x0,2x0,2x8 kc)x100kg/m ³	Kg	915,2		
	Dầm tầng trệt (đà kiềng): (28,8x0,2x0,4x4 kc + 14,2x0,2x0,4x8 kc)x100kg/m ³	Kg	1.830,40		
	- Cột:	Kg	1.785,60		
	Cột (trệt -> lầu): (0,2x0,3x3,6x16 kc + 0,2x0,2x3,6x16 kc)x100kg/m ³	Kg	576		
	Cột (lầu -> sân thượng): (0,2x0,3x3,6x16 kc + 0,2x0,2x3,6x16 kc)x100kg/m ³	Kg	576		
	Cột (sân thượng -> mái): (0,2x0,3x3x16 kc + 0,2x0,3x3,6x16 kc)x100kg/m ³	Kg	633,6		
	- Sàn:	Kg	8.827,30		
	Mái: 8,2x4,6x0,1x100kg/m ³	Kg	377,2		
	Sân thượng: 456,3x0,1x100kg/m ³	Kg	4.563		
	Lầu: (28,8x14,2x0,1 - 4,5x4,5x0,1(trừ cầu thang))x100kg/m ³	Kg	3.887,10		
	- Nền: (28,8x14,2x0,1+8,3x0,6x0,1 (tam cấp)) x100kg/m ³	Kg	4.139,40		
	- Cốt cột: 0,2x0,3x0,5x32 kc x100kg/m ³	Kg	96		
	- Móng: 1x1x0,5x32 kc x100kg/m ³	Kg	1.600		
2	Nhôm	Kg		138,1	Hư hỏng sau khi tháo dỡ
	Cửa 1 (trệt): 1x2,2x0,0024x0,1(tỷ lệ nhôm thu được trong cửa nhôm kính)x15 kc x2700kg/m ³	Kg	21,3		

STT	Danh mục công tác	Đơn vị	Khối lượng		Hiện trạng
			một bộ phận	toàn bộ	
	Cửa 2 (trệt): 1,4x2,2x0,0024x0,1(tỷ lệ nhôm thu được trong cửa nhôm kính)x3 kc x2700kg/m ³	Kg	5,9		
	Cửa 3 (trệt): 1,4x3x0,0024x0,1(tỷ lệ nhôm thu được trong cửa nhôm kính)x1 kc x2700kg/m ³	Kg	2,7		
	Cửa 1 (lầu): 1x2,2x0,0024x0,1(tỷ lệ nhôm thu được trong cửa nhôm kính)x15 kc x2700kg/m ³	Kg	21,3		
	Cửa 2 (lầu): 0,7x1,9x0,0024x0,1(tỷ lệ nhôm thu được trong cửa nhôm kính)x6 kc x2700kg/m ³	Kg	5,1		
	Cửa 1 (sân thượng): 1,4x2,2x0,0024x0,1(tỷ lệ nhôm thu được trong cửa nhôm kính)x1 kc x2700kg/m ³	Kg	2		
	Cửa 2 (sân thượng): 0,85x2,1x0,0024x0,1(tỷ lệ nhôm thu được trong cửa nhôm kính)x6 kc x2700kg/m ³	Kg	6,9		
	Cửa sổ 1 (trệt): 3,7x1,6x0,0024x0,1(tỷ lệ nhôm thu được trong cửa nhôm kính)x8 kc x2700kg/m ³	Kg	30,6		
	Cửa sổ 2 (trệt): 2,4x1,3x0,0024x0,1(tỷ lệ nhôm thu được trong cửa nhôm kính)x2 kc x2700kg/m ³	Kg	4		
	Cửa sổ 1 (lầu): 3,7x1,6x0,0024x0,1(tỷ lệ nhôm thu được trong cửa nhôm kính)x10 kc x2700kg/m ³	Kg	38,3		
3	Cửa, khung sắt, thép	Kg		843,96	Rỉ sét, hư hỏng sau khi tháo dỡ
	Cửa sắt kéo không lá (cửa 1 tầng trệt): 4,3x3x0,001x50%*x7850kg/m ³	Kg	50,63		
	Thép bảo vệ cửa sổ: (2,4x2+1,3x2)x0,01x0,005x7850kg/m ³	Kg	2,9		
	Lan can thép: (81,1+5,1+3+22,28)*0,9*0,01x10%*7850kg/m ³ =	Kg	790,43		
4	Gỗ	m³		6,766	Rỉ sét, hư hỏng sau khi tháo dỡ
	Cửa sổ gỗ (tầng trệt): 2,8x1,6x0,015	m ³	0,067		
	Cửa sổ gỗ (tầng lầu): 2,8x1,6x0,015	m ³	0,067		
	Cửa sổ gỗ (sân thượng): 2,8x1,6x0,015	m ³	0,067		
	Khung gỗ lá sách: 57,1x3x0,01	m ³	1,71		
	Vì kèo gỗ 40x80:0,04x0,08x7,45x16 kc	m ³	0,38		
	Xà gỗ gỗ 40x80: 0,04x0,08x28,8x21 kc	m ³	1,935		
	Giằng, đà 40x40 (ngang + dọc): 0,04x0,04x(28,8+14,2)x37 kc	m ³	2,54		
5	Tôn	Kg		707,4	Rỉ sét, hư hỏng sau khi tháo dỡ
	Mái: 28,8x7,45x0,00042x7850kg/m ³	Kg	707,4		
B	KHU HÀNH CHÍNH (TIẾP NHẬN TỪ TT Y TẾ DỰ PHÒNG)				
1	Thép tròn trong bê tông	kg		11.021,60	Rỉ sét, hư hỏng sau khi tháo dỡ
	(tạm tính thu được 100kg thép/m³ bê tông)				
	- Sàn	m³	8.103,10		

STT	Danh mục công tác	Đơn vị	Khối lượng		Hiện trạng
			một bộ phận	toàn bộ	
	Sàn trệt: quy đổi DxRx $C=276,629 \times 1 \times 0,1 \times 100 \text{kg/m}^3$	Kg	2.766,30		
	Sàn sân thượng: quy đổi DxRx $C=255,350 \times 1 \times 0,1 \times 100 \text{kg/m}^3$	Kg	2.553,50		
	Sàn lầu: quy đổi DxRx $C=278,330 \times 1 \times 0,1 \times 100 \text{kg/m}^3$	Kg	2.783,30		
	- Cột	Kg	1.114,80		
	Cột trệt: (DxRx $C=0,2 \times 0,2 \times 3,3 \times 34$ cột + $0,2 \times 0,3 \times 3,2 \times 1$ cột) $\times 100 \text{kg/m}^3$	Kg	468		
	Cột lầu: (DxRx $C=0,2 \times 0,2 \times 3,3 \times 27$ cột + $0,2 \times 0,3 \times 3,2 \times 1$ cột) $\times 100 \text{kg/m}^3$	Kg	375,6		
	Cột sân thượng: (DxRx $C=0,2 \times 0,2 \times 3 \times 21$ cột + $0,2 \times 0,3 \times 3,2 \times 1$ cột) $\times 100 \text{kg/m}^3$	Kg	271,2		
	- Dầm 200x300	Kg	1112,2		
	Dầm trệt: DxRx($C=0,1 \text{m}$)= $152,487 \times 0,2 \times 0,2 \times$ hệ số $0,95 \times 100 \text{kg/m}^3$	Kg	579,5		
	Dầm lầu: DxRx($C=0,1 \text{m}$)= $104,9 \times 0,2 \times 0,2 \times$ hệ số $0,95 \times 100 \text{kg/m}^3$	Kg	398,6		
	Dầm sân thượng: DxRx($C=0,1 \text{m}$)= $35,3 \times 0,2 \times 0,2 \times$ hệ số $0,95 \times 100 \text{kg/m}^3$	Kg	134,1		
	- Nền trệt (đà kiềng+nền+cổ cột+móng): DxRx$C=20,6 \times 0,2 \times 0,4 \times 1$ đà kiềng + $6,4 \times 2,6 \times 0,12 \times 1$ nền + $0,3 \times 0,3 \times 0,5 \times 6$ cổ cột + $1 \times 1 \times 0,5 \times 6$ móng $\times 100 \text{kg/m}^3$	Kg	691,5		
2	Tôn	Kg		1.370,80	Rỉ sét, hư hỏng sau khi tháo dỡ
	Mái tôn: DxRx hệ số 1,15 = $[(4,952 \times 3,5) + (9,892 \times 1) + (3,3 \times 3,4) + (9 \times 3,7)] \times 1,15 + (7,1 \times 9,526) + (6,4 \times 3) \times 0,00042 \times 7850 \text{kg/m}^3$	Kg	558,3		
	Vách tôn: DxC= $(86,15 \times 3,3 = 284,295 \text{m}^2$ trừ cửa $(4,3 \times 2,2) \times 4$ cái = $246,455 \text{m}^2$) $\times 0,00042 \times 7850 \text{kg/m}^3$	Kg	812,5		
3	Thép hình	Kg		1.098	Rỉ sét, hư hỏng sau khi tháo dỡ
	Vì kèo $40 \times 80 \times 2 \text{mm}$ $(5 \times 0,24 \times 0,002 \times 7 + 11 \times 0,24 \times 0,002 \times 2) \times 7850 \text{kg/m}^3$	Kg	216		
	Xà gỗ $40 \times 80 \times 2 \text{mm}$ $(4,952 \times 0,24 \times 0,002 \times 5 + 3,3 \times 0,24 \times 0,002 \times 6 + 9 \times 0,24 \times 0,002 \times 6 + 7,1 \times 0,24 \times 0,002 \times 13) \times 7850 \text{kg/m}^3$	Kg	719		
	Kèo thép mái (Xà gỗ $20 \times 40: 6,4 \times 0,12 \times 0,002 \times 5$ D27: $5,7 \times 0,085 \times 0,002 \times 3$)				

STT	Danh mục công tác	Đơn vị	Khối lượng		Hiện trạng
			một bộ phận	toàn bộ	
	D42: 2,6x0,132x0,002x3 + 3x0,132x0,002x6	kg	163		
	Giằng đầu cột D42: 6,4x0,132x0,002x2) x 7850kg/m ³				
4	Nhôm	kg		147,52	Hư hỏng sau khi tháo dỡ
	Cửa nhôm (2,3x2,4)x0,0024x0,1(tỷ lệ nhôm thu được trong cửa nhôm kính)x4 kc x2700kg/m ³	kg	14,3		
	Cửa nhôm (5,6x8,8)x0,0024x0,1(tỷ lệ nhôm thu được trong cửa nhôm kính)x3 kc x2700kg/m ³	kg	95,8		
	Cửa nhôm (0,9x2,2)x0,0024x0,1(tỷ lệ nhôm thu được trong cửa nhôm kính)x8 kc x2700kg/m ³	kg	10,26		
	Cửa nhôm (0,7x1,9)x0,0024x0,1(tỷ lệ nhôm thu được trong cửa nhôm kính)x4 kc x2700kg/m ³	kg	3,44		
	Cửa nhôm (2x1,5)x0,0024x0,1(tỷ lệ nhôm thu được trong cửa nhôm kính)x5 kc x2700kg/m ³	kg	9,72		
	Cửa nhôm (1,2x1,5)x0,0024x0,1(tỷ lệ nhôm thu được trong cửa nhôm kính)x12 kc x2700kg/m ³	kg	14		
C	PHÒNG TIÊM NGỪA (TIẾP NHẬN TỪ TT Y TẾ DỰ PHÒNG)				
1	Thép tròn trong bê tông	Kg		1.842,50	Rỉ sét, hư hỏng sau khi tháo dỡ
	(tạm tính thu được 100kg thép/m³ bê tông)				
	- Nền sàn	Kg	1.250,10		
	Nền: 94,35x0,1x100kg/m ³	Kg	943,5		
	Lầu: 30,66x0,1 x100kg/m ³	Kg	306,6		
	- Cột	Kg	346		
	Cột trệt: DxRx C=0,2x0,2x2,9x18 cột x100kg/m ³	Kg	208,8		
	Cột lầu: DxRx C=0,2x0,2x2,45x14 cột x100kg/m ³	Kg	137,2		
	- Dầm 200x300	Kg	246,4		
	Dầm lầu: DxRx(C-0,1)=64,85x0,2x0,2x hệ số 0,95 x100kg/m ³	Kg	246,4		
2	Tôn	Kg		380,84	Rỉ sét, hư hỏng sau khi tháo dỡ
	Mái tôn: DxRx hệ số 1,15=((11,55x5,582 + 3,2x3,2)*1,15+8x3,699) x0,00042x7850kg/m ³	Kg	380,84		
3	Thép hình	Kg		888	Rỉ sét, hư hỏng sau khi tháo dỡ
	Cột STK D168 dày 2mm: 2,9x0,528x0,002x3 cái x 7850kg/m ³	kg	72		
	Trục 1-5/ A-C/ tầng mái	kg	523		
	*Tạm tính vì kèo 40x80x2mm:				
	11,55x0,24x0,002x5 x 7850kg/m ³				
	*Xà gồ 40x80x2mm:				
	11,55x0,24,x0,002x7 x 7850kg/m ³	kg	207		
	Trục 1-4/E-D/lầu				
	*Tạm tính vì kèo 40x80x2mm:				
	3,699x0,24x0,002x4 x 7850kg/m ³				
	*Xà gồ 40x80x2mm	kg			
	8x0,24x0,002x5 x 7850kg/m ³				

STT	Danh mục công tác	Đơn vị	Khối lượng		Hiện trạng
			một bộ phận	toàn bộ	
	Trục 5-6/ A-B/ lầu *Tạm tính vì kèo 40x80x2mm 3,5x0,24x0,002x2 x 7850kg/m3 *Xà gồ 40x80x2mm 3,2x0,24x0,002x5 x 7850kg/m3	Kg	86		
4	Cửa, khung sắt, thép	Kg		25,59	Rỉ sét, hư hỏng sau khi tháo dỡ
	Cửa đi thép 1,4x2,7x0,001 x1 ck x0,1x7850kg/m3	Kg	2,96		
	Cửa 0,95x2,4x0,001 x2 ck x0,5x7850kg/m3	Kg	17,89		
	Khung thép cửa 1,4x2,7: (1,4x2+2,7x2)x0,005x0,01x7850kg/m3	Kg	3,21		
	Khung thép cửa 0,9x1,05: (0,9x2+1,05x2)x0,005x0,01x7850kg/m3	Kg	1,53		
5	Gỗ	m3		0,0297	Mục, hư hỏng sau khi tháo dỡ
	Cửa đi gỗ: 0,75x1,9x0,015	m3	0,021		
	Khung gỗ: (0,9x2+1,05x2)x0,015x0,15	m3	0,0087		
D	NHÀ BỘ MÔN (TIẾP NHẬN TỪ TRƯỜNG TH Y TẾ CŨ)				
1	Thép tròn trong bê tông (tạm tính thu được 100kg thép/m3 bê tông)	Kg		1.944,90	Rỉ sét, hư hỏng sau khi tháo dỡ
	Sê nô mái: DxRxC=5,5x0,1x1,6x100kg/m3	Kg	88		
	Dầm: DxRxC=8x0,2x0,3x3 ck + 5,5x0,2x0,3x2 ck + 2,7x0,2x0,3x2 ck x100kg/m3	Kg	242,4		
	Gờ chắn đỉnh mái: DxRxC=5,5x0,1x0,3x1 ck x100kg/m3	Kg	16,5		
	Đà kiềng: DxRxC=8x0,2x0,4x3 ck + 5,5x0,2x0,4x2 ck + 2,7x0,2x0,4x2 ck x100kg/m3	Kg	323,2		
	Cột (200x200): C=(5,4x2+4,5x2+4,2x2+3x3)x0,2x0,2 x100kg/m3	Kg	148,8		
	Nền trệt: 8x5,5x0,1+8x2,7x0,1+1x0,2x0,1 x100kg/m3	Kg	658		
	Cổ cột cao 0,5m: 0,2x0,2x0,5x9 ck x100kg/m3	Kg	18		
	Móng: 1x1x0,5x9 ck x100kg/m3	Kg	450		
2	Tôn	Kg		383,36	Rỉ sét, hư hỏng sau khi tháo dỡ
	Mái tôn: (8,3x5,5+8x3,1+2,7x0,6x2+8x0,3)x0,00042x7850 kg/m3	Kg	250,86		
	Vách tôn: (13,4x3-2,5x2,25) x0,00042x7850kg/m3	Kg	114		
	Cửa tôn: 2,5x2,25x0,00042x7850kg/m3	Kg	18,5		
3	Nhôm	Kg		277,78	Hư hỏng sau khi tháo dỡ
	Cửa 2,4x1,7x0,0024x0,1(tỷ lệ nhôm thu được trong cửa nhôm kính)x1 kc x2700kg/m3	Kg	4,08		
	Cửa 1,4x1,7x0,0024x0,1(tỷ lệ nhôm thu được trong cửa nhôm kính)x3 kc x2700kg/m3	Kg	7,14		
	Cửa 1,4x2,7x0,0024x0,1(tỷ lệ nhôm thu được trong cửa nhôm kính)x1 kc x2700kg/m3	Kg	3,78		

STT	Danh mục công tác	Đơn vị	Khối lượng		Hiện trạng	
			một bộ phận	toàn bộ		
4	Gỗ	m3		0,322	Mục, hư hỏng sau khi tháo dỡ	
	Xà gỗ 40x80: 0,04x0,08x5,5x11 kc + 0,04x0,08x8x5 kc	m3	0,322			
5	Cửa, khung sắt, thép	kg		13,35	Rỉ sét, hư hỏng sau khi tháo dỡ	
	Khung thép: (1,4x2+2,7x2)x0,01x0,005x7850kg/m3	Kg	3,21			
	Khung thép bảo vệ cửa sổ (11,22x2+1,7x2)x0,005x0,01x7850kg/m3	Kg	10,14			
E	NHÀ KHO (TIẾP NHẬN TỪ HỘI CHỦ THẬP ĐỎ)					
1	Thép tròn trong bê tông	Kg		913,2	Rỉ sét, hư hỏng sau khi tháo dỡ	
	(tạm tính thu được 100kg thép/m3 bê tông)					
	Nền sàn: 24,7x1,0,1 x100kg/m3		Kg			247
	Cột (200x200): C=2,8x0,2x0,2x18 kc x100kg/m3		Kg			201,6
	Dầm, đà giằng: 102,9x0,2x0,2 + 26,5x0,1x0,2 x100kg/m3	Kg	464,6			
2	Thép hình	Kg		1024	Rỉ sét, hư hỏng sau khi tháo dỡ	
	Xà gỗ 40x80x2mm @800: 24,7x0,24x0,002x11 kc x7850kg/m3	Kg	1024			
3	Tôn	Kg		715	Rỉ sét, hư hỏng sau khi tháo dỡ	
	Mái tôn: 24,7x8,781 x0,00042x7850kg/m3	Kg	715			
4	Cửa, khung sắt, thép	Kg		60,784	Rỉ sét, hư hỏng sau khi tháo dỡ	
	Cửa đi sắt kéo có lá, kích thước: (2000x2200)mm, (bao gồm các phụ kiện kèm theo): 2x2,2 x0,001x50%x7850kg/m3	Kg	17,274			
	Cửa đi sắt kéo có lá, kích thước: (1500x2200)mm, (bao gồm các phụ kiện kèm theo): 1,5x2,2x x0,001x50%x7850kg/m3 x 3 kc	Kg	38,85			
	Cửa đi khuôn bao thép L40x40; đồ cửa thép hộp 30x60x1,4; khung bảo vệ thép 13x26; pa nô thép dập hoa văn; kính trắng dày 5mm; ổ khóa tay nắm tròn, kích thước: (1200x2250)mm, (bao gồm các phụ kiện kèm theo): (1,2x2+2,25x2) x0,005x0,01x7850kg/m3	Kg	2,7			
	Khung bảo vệ thép cửa sổ khung gỗ: (1,2x2+1,3x2)x0,005x0,01x7850kg/m3	Kg	1,96			
5	Gỗ	m3		0,04	Mục, hư hỏng sau khi tháo dỡ	
	Cửa sổ khung gỗ: (1,2x2+1,3x2)x0,02x0,1x4 kc	m3	0,04			
6	Nhôm	Kg		0,86	Hư hỏng sau khi tháo dỡ	
	Cửa đi khung nhôm: 0,7x1,9x0,0024x0,1(tỷ lệ nhôm thu được trong cửa nhôm kính)x1 kc x2700kg/m3	Kg	0,86			
F	NHÀ LÀM VIỆC 2 (TIẾP NHẬN TỪ HỘI CHỦ THẬP ĐỎ)					
1	Thép tròn trong bê tông	Kg		2.888,10	Rỉ sét, hư hỏng sau khi tháo dỡ	
	(tạm tính thu được 100kg thép/m3 bê tông)					
	Sàn lầu: 117x0,1x100kg/m3	m3	2.108.10			

STT	Danh mục công tác	Đơn vị	Khối lượng		Hiện trạng
			một bộ phận	toàn bộ	
	Sàn mái: 93,805x0,1 x100kg/m ³	m ³	2.100,10		
	Cột trệt: 0,2x0,2x3,6x10 ck x100kg/m ³	m ³	345,6		
	Cột lầu: 0,2x0,2x3,6x14 ck x100kg/m ³				
	Dầm lầu 1: 67,1x0,2x0,2x1 ck x100kg/m ³	m ³	434,4		
	Đà giăng mái: 41,5x0,2x0,2x1 ck x100kg/m ³				
2	Nhôm	Kg		59,52	Hư hỏng sau khi tháo dỡ
	Cửa đi khung nhôm, khung bảo vệ thép, kính trắng dày 5mm, pano lamri nhôm, ổ khóa tay nắm tròn, kích thước: (2600x2500)mm, (bao gồm các phụ kiện kèm theo): 2,6x2,5 x0,0024x0,1(tỷ lệ nhôm thu được trong cửa nhôm kính)x3 kc x2700kg/m ³	Kg	12,63		
	Cửa đi khung nhôm, khung bảo vệ thép, kính trắng dày 5mm, pano lamri nhôm, ổ khóa tay nắm tròn, kích thước: (900x2500)mm, (bao gồm các phụ kiện kèm theo): 0,9x2,5 x0,0024x0,1(tỷ lệ nhôm thu được trong cửa nhôm kính)x4 kc x2700kg/m ³	Kg	5,83		
	Cửa đi khung nhôm, kính mờ dày 5mm, kích thước: (700x1900)mm, (bao gồm các phụ kiện kèm theo): 0,7x1,9x0,0024x0,1(tỷ lệ nhôm thu được trong cửa nhôm kính)x8 kc x2700kg/m ³	Kg	6,89		
	Cửa sổ khung nhôm lùa, khung bảo vệ thép, kính trắng dày 5mm, kích thước: (2000x1500)mm, (bao gồm các phụ kiện kèm theo): (2x2+1,5x2)x0,0024x0,1x3 kc x2700kg/m ³	Kg	13,6		
	Cửa sổ khung nhôm lùa, khung bảo vệ thép, kính trắng dày 5mm, kích thước: (1400x1500)mm, (bao gồm các phụ kiện kèm theo): (1,4x2+1,5x2)x0,0024x0,1x4 ck x2700kg/m ³	Kg	15		
	Cửa sổ khung nhôm lùa, khung bảo vệ thép, kính trắng dày 5mm, kích thước: (2800x1500)mm, (bao gồm các phụ kiện kèm theo): (2,8x2+1,5x2)x0,0024x0,1x1 ck x2700kg/m ³	Kg	5,57		
3	Cửa, khung sắt, thép	Kg		59,7	Rỉ sét, hư hỏng sau khi tháo dỡ
	Khung bảo vệ thép cửa 2,6x2,5: (2,6x2+2,5x2)x0,005x0,01x3 kc x7850kg/m ³	Kg	12		
	Khung bảo vệ thép cửa 0,9x2,5: (0,9x2+2,5x2)x0,005x0,01x4 kc x7850kg/m ³	Kg	10,67		
	Khung bảo vệ thép cửa 0,7x1,9: (0,7x2+1,9x2)x0,005x0,01x8 kc x7850kg/m ³	Kg	16,32		
	Khung bảo vệ thép cửa sổ 2x1,5: (2x2+1,5x2)x0,005x0,01x3 kc x7850kg/m ³	Kg	8,24		
	Khung bảo vệ thép cửa 1,4x1,5: (1,4x2+1,5x2)x0,005x0,01x4 kc x7850kg/m ³	Kg	9,1		

STT	Danh mục công tác	Đơn vị	Khối lượng		Hiện trạng
			một bộ phận	toàn bộ	
	Khung bảo vệ thép cửa 2,8x1,5: (2,8x2+1,5x2)x0,005x0,01x1 kc x7850kg/m3	Kg	3,37		
G	NHÀ KHO (TIẾP NHẬN TỪ TRƯỜNG TH Y TẾ CỬ)				
1	Thép tròn trong bê tông (tạm tính thu được 100kg thép/m3 bê tông)	Kg		760,2	Rỉ sét, hư hỏng sau khi tháo dỡ
	- Sàn: 24,69x1x0,1x100kg/m3	Kg	269,3		
	- Thang BTCT= 2,8x0,8x0,1 x100kg/m3				
	- Cột trệt: 0,2x0,2x3x10 ck x100kg/m3	Kg	236		
	- Cột lầu: 0,2x0,2x2,9x10 ck x100kg/m3				
	- Dầm trệt: 35,3x0,2x0,2x hệ số 0,95 x100kg/m3 - Dầm lầu: 31,8x0,2x0,2x hệ số 0,95 x100kg/m3	Kg	254,9		
2	Gỗ	m3		0,37	Mục, hư hỏng sau khi tháo dỡ
	- sàn lầu dày 15mm: 24,69 m2 x 0,015	m3	0,37		
3	Tôn	Kg		189,39	Rỉ sét, hư hỏng sau khi tháo dỡ
	Mái tôn: 13,5x3,7x hệ số 1,15x0,00042x7850kg/m3	Kg	57,443		
4	Thép hình	Kg		604,19	Rỉ sét, hư hỏng sau khi tháo dỡ
	Vì kèo 40x80x2mm: 3,9x0,24x0,002x3 ck x7850kg/m3	Kg	44,08		
	Xà gỗ 40x80x2mm: 13,5x0,24x0,002x5 ck x7850kg/m3	Kg	254,34		
	Đà thép hộp 30x60x2mm/@500: 3,9x0,18x0,002x14 ck x7850kg/m3	Kg	154,3		
	Đà thép hộp 30x60x2mm/@500: 6,7x0,18x0,002x8 ck x7850kg/m3	Kg	151,47		
5	Nhôm	Kg		4,13	Hư hỏng sau khi tháo dỡ
	Cửa đi khung nhôm, pano lamri nhôm + khung thép bảo vệ 20x20, kích thước: (1200x2200)mm, (bao gồm các phụ kiện kèm theo): 1,2x2,2x0,0024x0,1(tỷ lệ nhôm thu được trong cửa nhôm kính)x1 kc x2700kg/m3	Kg	1,71		
	Cửa đi khung nhôm, pano lamri nhôm + khung thép bảo vệ 20x20, kích thước: (850x2200)mm, (bao gồm các phụ kiện kèm theo): 0,85x2,2x0,0024x0,1(tỷ lệ nhôm thu được trong cửa nhôm kính)x2 kc x2700kg/m3	Kg	2,42		
6	Cửa, khung sắt, thép	Kg		14,82	Rỉ sét, hư hỏng sau khi tháo dỡ
	Cửa sổ khung thép hộp + khung bảo vệ thép 20x20, kích thước: (2400x600)mm, (bao gồm các phụ kiện kèm theo): (2,4x2+0,6x2)x0,005x0,02x7850kg/m3	Kg	4,71		
	Khung thép bảo vệ (1,2x2,2): (1,2x2+2,2x2)x0,005x0,02x7850kg/m3	Kg	5,33		
	Khung thép bảo vệ (0,85x2,2): (0,85x2+2,2x2) x0,005x0,02x7850kg/m3	Kg	4,78		
H	NHÀ THỰC TẬP ĐƯỢC (TIẾP NHẬN TỪ TRƯỜNG TH Y TẾ CỬ)				

STT	Danh mục công tác	Đơn vị	Khối lượng		Hiện trạng
			một bộ phận	toàn bộ	
1	Thép tròn trong bê tông (tạm tính thu được 100kg thép/m ³ bê tông)	Kg		888,4	Rỉ sét, hư hỏng sau khi tháo dỡ
	- Sàn lầu: 37x0,1x100kg/m ³	Kg	392,4		
	- Sàn thang BTCT: 2,8x0,8x0,1 x100kg/m ³				
	- Cột trệt: 0,2x0,2x3x10 ck x100kg/m ³	Kg	236		
	- Cột lầu: 0,2x0,2x2,9x10 ck x100kg/m ³				
	- Dầm trệt: 35,2x0,2x0,2x hệ số 0,95 x100kg/m ³	Kg	260		
- Dầm lầu: 34,2x0,2x0,2x hệ số 0,95 x100kg/m ³					
2	Gỗ	m ³		0,403	Mục, hư hỏng sau khi tháo dỡ
	Sàn lầu dày 15 mm: 26,91 m ² x 0,015	m ³	0,403		
3	Tôn	Kg		70,93	Rỉ sét, hư hỏng sau khi tháo dỡ
	Mái tôn: 14,7x3,7x hệ số 1,15x0,00042x2700kg/m ³	Kg	70,93		
4	Thép hình	Kg		651,37	Rỉ sét, hư hỏng sau khi tháo dỡ
	Vì kèo 40x80x2mm: 3,9x0,24x0,002x3 ck x7850kg/m ³	Kg	44,08		
	Xà gồ 40x80x2mm: 14,7x0,24x0,002x5 ck x7850kg/m ³	Kg	276,94		
	Đà thép hộp 30x60x2mm/@500: 3,9x0,18x0,002x15 ck x7850kg/m ³	Kg	165,32		
	Đà thép hộp 30x60x2mm/@500: 7,3x0,18x0,002x8 ck x7850kg/m ³	Kg	165,03		
5	Nhôm	Kg		4,13	Hư hỏng sau khi tháo dỡ
	Cửa đi khung nhôm, pano lamri nhôm kích thước: (1200x2200)mm, (bao gồm các phụ kiện kèm theo): 1,2x2,2 x0,0024x0,1(tỷ lệ nhôm thu được trong cửa nhôm kính)x1 kc x2700kg/m ³	Kg	1,71		
	Cửa đi khung nhôm, pano lamri nhôm kích thước: (850x2200)mm, (bao gồm các phụ kiện kèm theo): 0,85x2,2 x0,0024x0,1(tỷ lệ nhôm thu được trong cửa nhôm kính)x2 kc x2700kg/m ³	Kg	2,42		
6	Cửa, khung sắt, thép	Kg		19,61	Rỉ sét, hư hỏng sau khi tháo dỡ
	Khung thép bảo vệ (1,2x2,2): (1,2x2+2,2x2)x0,005x0,02x7850kg/m ³	Kg	5,33		
	Khung thép bảo vệ (0,85x2,2): (0,85x2+2,2x2) x0,005x0,02x7850kg/m ³ x2 kc	Kg	9,57		
	Cửa sổ khung thép hộp + khung bảo vệ thép 20x20, kích thước: (2400x600)mm, (bao gồm các phụ kiện kèm theo): (2,4x2+0,6x2)x0,005x0,02x7850kg/m ³	Kg	4,71		
I	HỘI TRƯỜNG (TIẾP NHẬN TỪ TRƯỜNG TH Y TẾ CŨ)				
1	Thép tròn trong bê tông (tạm tính thu được 100kg thép/m ³ bê tông)	Kg		3.079,60	Rỉ sét, hư hỏng sau khi tháo dỡ
	Nền, bậc tam cấp: 72,758x0,1x100kg/m ³	Kg	727,6		
	Đà kiềng: 198x0,2x0,2 x100kg/m ³	Kg	792		
	Cổ cột cao 0,5m: 0,2x0,2x0,5x30 ck x100kg/m ³	Kg	60		

STT	Danh mục công tác	Đơn vị	Khối lượng		Hiện trạng
			một bộ phận	toàn bộ	
	Móng: 1x1x0,5x30 ck x100kg/m ³	Kg	1500		
2	Nhôm	Kg		23,16	Hư hỏng sau khi tháo dỡ
	Cửa 0,9x2,5x5 ck x0,0024x0,1(tỷ lệ nhôm thu được trong cửa nhôm kính) x2700kg/m ³	Kg	7,29		
	Cửa 1,2x2,5x2 ck x0,0024x0,1(tỷ lệ nhôm thu được trong cửa nhôm kính)x2700kg/m ³	Kg	3,88		
	Cửa 1,2x1,7x1 ck x0,0024x0,1(tỷ lệ nhôm thu được trong cửa nhôm kính)x2700kg/m ³	Kg	1,32		
	Cửa 1,7x1,7x3 ck x0,0024x0,1(tỷ lệ nhôm thu được trong cửa nhôm kính)x2700kg/m ³	Kg	5,61		
	Cửa 1,1x1,7x2 ck x0,0024x0,1(tỷ lệ nhôm thu được trong cửa nhôm kính)x2700kg/m ³	Kg	2,42		
	Cửa 2,4x1,7x1 ck x0,0024x0,1(tỷ lệ nhôm thu được trong cửa nhôm kính)x2700kg/m ³	Kg	2,64		
3	Cửa, khung sắt, thép	Kg		7,27	Rỉ sét, hư hỏng sau khi tháo dỡ
	- Khung thép bảo vệ cửa số:DxR=18,53x0,01x0,005x7850kg/m ³	Kg	7,27		
4	Tôn	Kg		2.493,26	Rỉ sét, hư hỏng sau khi tháo dỡ
	Mái tôn: 437,825 m ² x0,00042x7850kg/m ³	Kg	1.443,50		
	Vách tôn: 107,1x3,3-35,03 x0,00042x7850kg/m ³	Kg	1.049,76		
5	Thép hình	Kg		7.413	Rỉ sét, hư hỏng sau khi tháo dỡ
J	NHÀ LÀM VIỆC 1 (TIẾP NHẬN HỘI CHỮ THẬP ĐỎ)				
1	Thép tròn trong bê tông (tạm tính thu được 100kg thép/m³ bê tông)	Kg		4.850,60	Rỉ sét, hư hỏng sau khi tháo dỡ
	- Sàn tầng lầu: 142,4x0,1x100kg/m ³	m ³	3.208,80		
	- Sàn mái: 178,48x0,1 x100kg/m ³				
	- Cột trệt: 0,2x0,2x3,6x18 kc x100kg/m ³	m ³	496,8		
	- Cột lầu: 0,2x0,2x3,3x18 kc x100kg/m ³				
	- Dầm 200x300				
	*Lầu 1: 50,7x0,2x0,2 x100kg/m ³	m ³	1,145		
	*Dầm sê nô: 56,8x0,1x1,1 x100kg/m ³				
	*Lam đứng tầng trệt: 4,6x0,1x3,6 x100kg/m ³				
	*Lam đứng tầng lầu: 4,6x0,1x3,3 x100kg/m ³				
2	Tôn	Kg		72,82	Rỉ sét, hư hỏng sau khi tháo dỡ
	Mái tôn: 5,7x3,875x0,00042x7850kg/m ³	Kg	72,82		
3	Thép hình	Kg		128,74	Rỉ sét, hư hỏng sau khi tháo dỡ
	Xà gỗ 40x80x2mm @800: 5,7x0,24x0,002x6 kc x7850kg/m ³	Kg	128,74		
4	Nhôm	Kg		30,05	Hư hỏng sau

STT	Danh mục công tác	Đơn vị	Khối lượng		Hiện trạng
			một bộ phận	toàn bộ	
	Cửa đi khung nhôm; khung bảo vệ thép; kính trắng dày 5mm; pano lamri nhôm; ổ khóa tay nắm tròn, kích thước: (900x2200)mm, (bao gồm các phụ kiện kèm theo): 0,9x2,2x4 kc x0,0024x0,1(tỷ lệ nhôm thu được trong cửa nhôm kính)x2700kg/m3	Kg	5,13		khi tháo dỡ
	Cửa sổ khung nhôm lùa; khung bảo vệ thép; kính trắng dày 5mm, kích thước: (1400x1300)mm, (bao gồm các phụ kiện kèm theo): 1,4x1,3x4 kc x0,0024x0,1(tỷ lệ nhôm thu được trong cửa nhôm kính)x2700kg/m3	Kg	4,71		
	Cửa sổ khung nhôm lùa; khung bảo vệ thép; kính trắng dày 5mm, kích thước: (2400x1300)mm, (bao gồm các phụ kiện kèm theo): 2,4x1,3x10 kc x0,0024x0,1(tỷ lệ nhôm thu được trong cửa nhôm kính)x2700kg/m3	Kg	20,21		
5	Cửa, khung sắt, thép	Kg		27,84	Rỉ sét, hư hỏng sau khi tháo dỡ
	Cửa đi khuôn bao thép L40x40; đồ cửa thép hộp 30x60x1,4; khung bảo vệ thép 13x26; pano thép dập hoa văn; kính trắng dày 5mm; ổ khóa tay nắm tròn, kích thước: (2300x2250)mm, (bao gồm các phụ kiện kèm theo): (2,3x2+2,25x2)x0,3x0,6x0,0014x7850 kg/m3	Kg	18		Rỉ sét, hư hỏng sau khi tháo dỡ
	Cửa đi khung thép L40x40; khung lưới B40, kích thước: (3400x2200)mm, (bao gồm các phụ kiện kèm theo): (3,4x2+2,2x2)x0,4x0,4x0,0014x0,5x7850kg/m3	Kg	9,84		
K	NHÀ VỆ SINH (TIẾP NHẬN TỪ TRƯỜNG TH Y TẾ CŨ)				
1	Thép tròn trong bê tông (tạm tính thu được 100kg thép/m3 bê tông)	Kg		23	Rỉ sét, hư hỏng sau khi tháo dỡ
	- Sê nô mái: 14x0,1x0,9x100	Kg	1,26		Rỉ sét, hư hỏng sau khi tháo dỡ
	- Dầm mái: 52x0,2x0,2+15,4x0,1x0,1x100	Kg	2,234		
	- Đà kiềng: 52x0,2x0,4x100	Kg	4,16		
	- Cột trệt -> mái: 0,2x0,2x3,6x100x6 kc + 0,1x0,2x3,6x100x2 kc + 0,2x0,2x3,3x6 kc	Kg	1,8		
	- Nền trệt: 54,3x1x0,12x100	Kg	6,516		
	- Cột cao 0,5: 0,2x0,2x0,5x14 kc	Kg	0,28		
	- Móng: 1x1x0,5x100x14 kc	Kg	7		
2	Cửa, khung sắt, thép	Kg		135,8	Rỉ sét, hư hỏng sau khi tháo dỡ
	Cửa đi 0,9x2: 0,9x2x 0,1x0,005x7850kg/m3	Kg	7,06		Rỉ sét, hư hỏng sau khi tháo dỡ
	Cửa sổ 1x1,2x20 kc x 0,1 (trừ kính) x0,005x7850	Kg	94,2		
	Khung thép: (1x2+1,2x2)x0,01x0,005x7850x20	Kg	34,54		
3	Nhôm	Kg		4,32	Hư hỏng sau khi tháo dỡ
	Cửa 0,8x0,9 x0,0024x0,1(tỷ lệ nhôm thu được trong cửa nhôm kính)x2700kg/m3	Kg	0,47		

STT	Danh mục công tác	Đơn vị	Khối lượng		Hiện trạng
			một bộ phận	toàn bộ	
	Cửa 0,9x2,2x3 kc x0,0024x0,1(tỷ lệ nhôm thu được trong cửa nhôm kính)x2700kg/m ³	Kg	3,85		
4	Tôn	Kg		189,67	Rỉ sét, hư hỏng sau khi tháo dỡ
	Mái M1: 6,22x3,441x0,00042x7850kg/m ³	Kg	70,56		
	Mái M2: 8x4,516x0,00042x7850kg/m ³	Kg	119,11		
L	CÔNG + HÀNG RÀO XÂY TƯỜNG GẠCH + KHUNG THÉP				
1	Thép tròn trong bê tông	Kg		4.132,58	Rỉ sét, hư hỏng sau khi tháo dỡ
	(tạm tính thu được 100kg thép/m³ bê tông phần hàng rào)				
Trục A-B	Cột (cổng BV Mắt): 0,5x0,3x5,7x100x3 kc	Kg	256,5		
	Cột (khu nhận bệnh): 0,85x0,2x2,6x100x2 kc + 0,2x0,2x1,3x2x100 kc	Kg	88,4		
	Cột (hàng rào): 0,2x0,2x2x100x18 kc	Kg	144		
	Giăng tường (chân hàng rào): 19,275x0,2x0,2x100	Kg	77,1		
	Nền cổng BV Mắt: 6x0,5x0,2x100	Kg	60		
	Đà kiềng (Đà tường rào): 27,77x0,2x0,3x100	Kg	166,62		
	Móng: 0,4x0,4x0,5x100x23 kc	Kg	184		
Trục B-C	Tường cao 2,6m: 0,2x0,2x2,6x100x10 kc	Kg	104		
	Tường cao 1,6m: 0,2x0,2x1,4x100x8 kc	Kg	44,8		
	Giăng tường (khu tường cao 1,6m): 20,7x0,2x0,2x100	Kg	82,8		
	Đà kiềng (khu tường cao 2,6m): 29,9x0,2x0,3x100	Kg	179,4		
	Đà kiềng (khu tường cao 1,6m): 20,7x0,2x0,3x100	Kg	124,2		
	Móng: 0,4x0,4x0,5x100x18 kc	Kg	144		
Trục C-D	Cột (Tường cao 3m): 0,2x0,2x5,7x100x14 kc	Kg	319,2		
	Cột (Tường cao 2,6m): 0,2x0,2x2,6x100x2 kc	Kg	20,8		
	Giăng tường (tường cao 3m): 52,85x0,2x0,2x100	Kg	211,4		
	Đà kiềng (tường cao 3m): 52,85x0,2x0,3x100	Kg	317,1		
	Đà kiềng (tường cao 2,6m): 3,35x0,2x0,3x100	Kg	20,1		
	Móng: 0,4x0,4x0,5x100x16 kc	Kg	128		
Trục A-D	Cột (tường cao 1,9m): 0,2x0,2x1,9x100x16 kc	Kg	121,6		
	Giăng tường (tường cao 1,9m): 121,056x0,2x0,2x100	Kg	484,224		
	Đà kiềng (tường cao 1,9m): 121,056x0,2x0,3x100	Kg	726,336		
	Móng: 0,4x0,4x0,5x100x16 ck	Kg	128		
2	Cửa, khung sắt, thép	Kg		493,47	Rỉ sét, hư hỏng sau khi tháo dỡ
	Cửa thép 1: 0,9x1,2x0,0012x7850 kg/m ³	Kg	10,17		
	Cửa thép 2: 1,3x2x0,0012x7850 kg/m ³	Kg	24,49		
	Cửa thép 3: 4x2x0,0012x7850 kg/m ³	Kg	75,36		
	Cửa thép 4: 1,6x1,8x0,0012x7850 kg/m ³	Kg	27,12		
	Cửa thép 5: 1,05x1,9x0,0012x7850 kg/m ³	Kg	18,79		
	Cửa thép 6: 3,25x2,12x0,0012x7850 kg/m ³	Kg	64,9		

STT	Danh mục công tác	Đơn vị	Khối lượng	Hiện trạng
			một bộ phận	
	Cửa thép 7: 2,95x2,5x0,0012x7850 kg/m ³	Kg	69,47	
	Công xếp tự động (Công BV): 6x2,2x0,0012x7850 kg/m ³	Kg	124,34	
	Công xếp tự động CK1: 1,4x2,7x0,0012x7850 kg/m ³	Kg	35,6	
	Công xếp tự động CK2: 1,7x2,7x0,0012x7850 kg/m ³	Kg	43,23	
3	Hàng rào lưới thép B40	Kg		Rỉ sét, hư hỏng sau khi tháo dỡ
	Khu tường cao 2,6m trục B-C: 29,9x2,1x2,2 – cột chiếm chỗ: 0,2x2,1x2,2x10	Kg	129	
4	Thép hình	Kg		Rỉ sét, hư hỏng sau khi tháo dỡ
	Khu tường cao 2,6m: 29,9x0,5x13,6	Kg	203	
	Khu tường cao 1,6m: 20,7x0,2x13,6	Kg	56	